

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2022/DS-ST
Ngày: 29-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thúy Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Lại
2. Bà Nguyễn Xuân Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lê Thị Thu S, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Phước H, xã Phước V, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Chị Huỳnh Thị Thanh T1, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Phước L, xã Phước V, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Thu S trình bày:

Ngày 16/01/2020 vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Huỳnh Thị Thanh T1 có đến vay của chị số tiền 60.000.000 đồng nói là để làm ăn. Thời hạn vay là 5 tháng, lãi suất vay thỏa thuận bên ngoài là 3%/tháng. Khi vay anh chị có đưa cho chị 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03889 cấp ngày 06/9/2017 cho anh Nguyễn Văn T đứng tên, mục đích là để thế chấp đảm bảo khoản vay. Đến hạn vay anh chị không trả nợ đúng hạn.

Tại biên bản ngày 25/8/2022 chị yêu cầu vợ chồng anh T trả số tiền gốc là 60.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định 10%/năm từ ngày 16/01/2020 với lãi suất trong hạn, không tính lãi quá hạn. Nhưng do giấy tờ không thể hiện lãi suất nên nay chị yêu cầu trả tiền gốc và thay đổi ý kiến về phần lãi suất, chị chỉ yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ tháng 17/6/2020 cho đến nay với mức lãi suất 10%/năm

Anh Nguyễn Văn T và chị Huỳnh Thị Thanh T1 không đến Tòa án, không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình T, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: áp dụng Điều 463, 466, 470, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh T và chị T1 liên đới trả số tiền vay gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết kỳ hạn vay là ngày 17/6/2020 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 2 năm.

Ghi nhận chị S đồng ý trả lại cho anh T, chị T1 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 032828, số vào sổ cấp GCN: CS03889 ngày 06/9/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho anh Nguyễn Văn T đứng tên.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Nguyễn Văn T và chị Huỳnh Thị Thanh T1 đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không đến Tòa án, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Chị S cung cấp 01 giấy tay ghi tiêu đề “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất” ngày 16/01/2020 với nội dung anh Nguyễn Văn T và chị Huỳnh Thị Thanh T1 có thể chấp giấy đất để nhận số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn thế chấp là 05 tháng, không nói về lãi suất. Hiện chị S thừa nhận đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh T và chị T1. Chị S khai anh T và chị T1 đến gặp chị để vay tiền, nhưng do chị yêu cầu được giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin nên thay vì viết giấy nợ đã viết thành nội dung thế chấp.

[2.2] Hội đồng nhận thấy, yêu cầu khởi kiện của chị S là yêu cầu trả lại tiền vay, trong nội dung giấy tay thế chấp cũng nói rõ mục đích thế chấp là để nhận số tiền 60.000.000 đồng nên bản chất giao dịch giữa chị S và vợ chồng anh T là vay tài sản có thể chấp quyền sử dụng đất thể hiện bằng “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất” thông qua giấy viết tay có lồng ghép hai nội dung.

[2.3] Chị S đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính. Anh T và chị T1 từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập nhưng không đến Tòa án, theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nếu có phản đối yêu cầu của người khác đối với mình thì phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Anh chị không có ý kiến phản đối thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ. Như vậy, có đủ

cơ sở xác định việc vay số tiền 60.000.000 đồng giữa chị S và vợ chồng anh T, chị T1 là có thật. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 467 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu trả lại tiền nợ gốc của chị S.

[2.4] Đối với yêu cầu tính lãi suất chậm trả: chị S chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm, kể từ sau ngày hết hạn vay là 17/6/2020 đến nay tính tròn 2 năm là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên được chấp nhận, xác định lãi suất như sau:

$$60.000.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ năm} \times 10\%/\text{năm} = 12.000.000 \text{ đồng}.$$

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.5] Đối với nội dung thế chấp quyền sử dụng đất: việc thế chấp chỉ mới thể hiện bằng giấy viết tay, các bên chưa làm hợp đồng theo đúng hình thức, chưa công chứng, chứng thực và đăng ký thế chấp nên không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 3 Điều 167, Điều 188 Luật đất đai năm 2013; chị S cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về nội dung này và đồng ý trả lại cho anh T và chị T1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xem như các bên chỉ vay mượn tiền, không thế chấp tài sản. Việc chị S chỉ yêu cầu trả lại tiền vay, không yêu cầu giải quyết nội dung thế chấp và T nguyện trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 032828, sổ vào sổ cấp GCN: CS03889 ngày 06/9/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho anh Nguyễn Văn T đứng tên xét thấy phù hợp với bản chất tranh chấp vụ án nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Anh Nguyễn Văn T và chị Huỳnh Thị Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là $72.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.600.000 \text{ đồng}$.

Chị S không phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Chị S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 theo biên lai thu số 0017528 ngày 01/7/2022 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, 466, 470, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của chị Lê Thị Thu S đối với anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh T1.

Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh T1 có trách nhiệm liên đới trả cho chị Lê Thị Thu S số tiền tổng cộng là 72.000.000 đồng (bảy mươi hai triệu đồng).

Ghi nhận chị S đồng ý trả lại cho anh T, chị T1 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 032828, sổ vào sổ cấp GCN: CS03889 ngày 06/9/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho anh Nguyễn Văn T đứng tên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn T và chị Huỳnh Thị Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là $72.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.600.000 \text{ đồng}$.

Chị S không phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Chị S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 theo biên lai thu số 0017528 ngày 01/7/2022 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, T nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND h Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thúy Liễu